

DƯỢC ĐIỂN VIỆT NAM VI

DIỄN HỒ SÁCH (Rễ củ)

DÂY THÌA CANH

Gymnematis sylvestris Caulis et Folium

Cành và lá được làm khô của cây Dây thìa canh [*Gymnema sylvestre* (Retz.) R. Br. ex Schult.], họ Thiên lý (Asclepiadaceae). Thu hái quanh năm, để nguyên hoặc cắt đoạn 1,5 cm đến 3 cm, phơi hoặc sấy khô.

Mô tả

Dược liệu chưa cắt đoạn có dạng dây leo, dài tới 6 m, đường kính tới 3 mm. Thường cắt đoạn dài 1,5 cm đến 3 cm. Khi khô có màu xanh lục. Lá có phiến bầu dục hoặc xoan ngược thon dài 6 cm đến 7 cm, rộng 2,5 cm đến 5 cm, đầu nhọn có mũi, gân phụ 4 đến 6 cặp, rõ ở mặt dưới, nhẵn lúc khô; cuống dài 5 cm đến 8 cm.

Vĩ phẫu

Lá:

Phần gân lá: Hơi lồi ở mặt trên, từ dưới lên trên bao gồm: biểu bì dưới, gồm một lớp tế bào hình tròn, đôi lúc có lông che chở đa bào; sát với biểu bì là 3 lớp đến 5 lớp mô dày dưới, có thành dày; bó libe-gỗ gồm có các mạch gỗ phía trong, cung libe ở ngoài bao quanh tùy ở giữa gân chính; mô mềm gồm các tế bào hình trứng thành mỏng, rải rác trong gân lá có tinh thể calci oxalat hình cầu gai; mô dày trên gồm 3 đến 4 lớp tế bào có cấu tạo tương tự như mô dày dưới; biểu bì trên gồm một lớp tế bào hình chữ nhật. Phần phiến lá: Biểu bì trên và dưới gồm một lớp tế bào hình chữ nhật, xếp đều đặn, có mang lông che chở đa bào. Mô giậu cấu tạo bởi 2 đến 3 hàng tế bào hình chữ nhật xếp vuông góc biểu bì trên, chiếm một phần năm bề dày phiến lá. Mô khuyết nằm ở phần thịt lá, cấu tạo bởi những tế bào tròn xếp lộn xộn, để hở những khuyết nhỏ. Tiếp giáp giữa mô khuyết và mô giậu là các bó libe-gỗ của gân phụ và các mạch.

Thân: Mặt cắt thân hình tròn, từ ngoài vào trong bao gồm: lớp vỏ, gồm 2 đến 3 hàng tế bào hình chữ nhật xếp thành hàng đồng tâm, có nhiều lỗ vỏ lớn. Ở thân non là lớp biểu bì gồm 1 lớp tế bào hình chữ nhật, xếp đều đặn thành hàng, có nhiều lông che chở đa bào; mô mềm vỏ gồm nhiều lớp tế bào hình trứng, thành mỏng; các bó sợi liền nhau hoặc tạo thành đám; libe-gỗ gồm có libe quanh tùy, bao xung quanh mạch gỗ phía trong; gỗ cấp hai xếp thành vòng tròn để hở các tia ruột rất nhỏ; trong cùng là lớp mô mềm ruột.

Bột

Màu xanh, mùi thơm nhẹ. Soi dưới kính hiển vi thấy: Lông che chở đa bào, mảnh mô mềm, mảnh biểu bì mang lỗ khí; tế bào lỗ khí; mảnh bản gồm các tế bào thành mỏng, tinh thể calci oxalat hình cầu gai, mạch xoắn, mạch vạch, mạch đồng tiền, sợi và bó sợi.

Định tính

A. Lấy 1 g bột dược liệu, thêm 5 ml nước, đun sôi nhẹ, lọc nóng. Dịch lọc cho vào ống nghiệm to, thêm 10 ml nước. Lắc mạnh trong vòng 2 min theo chiều dọc của ống

nh nghiệm. Xuất hiện cột bọt cao khoảng 4 cm, bền trong 15 min.

B. Lấy 2 g bột dược liệu, thêm 10 ml ethanol 96 % (TT), đun nóng khoảng 80 °C trong 10 min, lọc nóng. Bốc hơi dịch lọc tới cạn. Thêm 1 ml cloroform (TT), lắc cho tan cạn. Thêm 1 ml acid sulfuric (TT), lắc đều. Xuất hiện màu đỏ.

Độ ẩm

Không quá 13,0 % (Phụ lục 9.6, 1 g, 85 °C, 3 h).

Tro toàn phần

Không quá 10,0 % (Phụ lục 9.8).

Tạp chất

Không quá 1 % (Phụ lục 12.11).

Chất chiết được trong dược liệu

Không dưới 25,0 %, tính theo dược liệu khô kiệt.

Tiến hành theo phương pháp chiết nóng (Phụ lục 12.10), dùng nước làm dung môi.

Chế biến

Rửa sạch dược liệu chưa cắt đoạn, cắt đoạn dài 1,5 cm đến 3 cm, phơi hoặc sấy khô. Sao vàng (Phụ lục 12.20) trước khi dùng.

Bảo quản

Đề nơi khô, tránh ẩm mốc.

Tính vị, quy kinh

Vị đắng, tính hàn.

Công năng, chủ trị

Lợi tiểu, nhuận tràng, hạ đường huyết. Chủ trị: Tiểu tiện bí rất, tiểu vàng đỏ, tiểu đường, táo bón do nhiệt.

Cách dùng, liều lượng

Ngày dùng 10 g đến 12 g, dạng thuốc sắc.

DIỄN HỒ SÁCH (Rễ củ)

Corydalis Tuber

Huyền hồ sách, Nguyên hồ sách

Rễ củ được làm khô của cây Diên hồ sách [*Corydalis yanhusuo* (Y. H. Chou & Chun C. Hsu) W. T. Wang], họ Cải cần (Fumariaceae). Thu hoạch vào đầu mùa hạ khi cây khô héo. Đào lấy rễ, loại bỏ rễ con, thân và lá, rửa sạch, luộc đến khi cắt ngang không còn lõi màu trắng và phơi hoặc sấy nhẹ đến khô.

Mô tả

Rễ củ (còn gọi là củ) hình cầu dẹt không đều, đường kính 0,5 cm đến 1,5 cm. Mặt ngoài màu vàng hay vàng nâu, có vân nhăn hình mạng lưới không đều. Đỉnh có vết sẹo, thân hơi lõm, đáy thường lồi lên. Chất cứng, giòn. Mặt cắt ngang màu vàng, cứng như sừng, sáng bóng như sáp. Mùi nhẹ, vị đắng.

Ghi chú: Loại củ chắc cứng, màu vàng ánh, vỏ nhăn nheo, không mốc một là loại tốt.

DIẾP CÁ

Bột

Màu lục vàng. Soi dưới kính hiển vi thấy: Mô cứng của nội bì màu vàng lục gồm các tế bào hình nhiều cạnh, gần vuông hoặc bầu dục, thuôn dài, thành tế bào hơi lượn sóng, hóa gỗ, có các lỗ nhỏ dày đặc. Tế bào đá màu vàng nhạt, hình gần tròn hay thuôn dài, đường kính tới 60 μm , thành tương đối dày có các lỗ nhỏ dày đặc. Mạch xoắn đường kính 16 μm đến 32 μm .

Định tính

Phương pháp sắc ký lớp mỏng (Phụ lục 5.4).

Bản mỏng: *Silica gel G*, nhưng bản mỏng trong *dung dịch natri hydroxyd 1 % (TT)*.

Dung môi khai triển: *n-Hexan - cloroform - methanol (7,5 : 4 : 1)*.

Dung dịch thử: Cho 1 g bột dược liệu vào một bình cầu, thêm 50 ml *ethanol 96 % (TT)*, đun hồi lưu trên cách thủy 1 h. Để nguội, lọc, bốc hơi dịch lọc đến khô trên cách thủy. Hòa tan căn trong 10 ml *nước*, kiểm hóa bằng *amoniac đậm đặc (TT)*, chiết bằng *ether (TT)* 3 lần, mỗi lần 10 ml. Gộp các dịch chiết ether, bốc hơi đến căn khô trên cách thủy. Hòa tan căn trong 1 ml *methanol (TT)* được dung dịch thử.

Dung dịch chất đối chiếu: Hòa tan tetrahydropalmin chuẩn trong *methanol (TT)* để được dung dịch có nồng độ 1 mg/ml.

Dung dịch dược liệu đối chiếu: Nếu không có tetrahydropalmin có thể dùng 1 g bột Diên hồ sách (mẫu chuẩn), chiết như mô tả ở phần dung dịch thử.

Cách tiến hành: Chấm riêng biệt lên bản mỏng 5 μl mỗi dung dịch trên. Sau khi triển khai xong, lấy bản mỏng ra, để khô ngoài không khí. Phun thuốc thử *Dragendorff (TT)*. Quan sát dưới ánh sáng thường. Trên sắc ký đồ của dung dịch thử phải có vết cùng màu sắc và tương đương về vị trí với vết tetrahydropalmin trên sắc ký đồ của dung dịch chất đối chiếu hoặc phải có các vết tương đương về vị trí và cùng màu với các vết trên sắc ký đồ của dung dịch dược liệu đối chiếu.

Độ ẩm

Không quá 15 % (Phụ lục 9.6, 1 g, 105 °C, 5 h).

Tạp chất

Không quá 0,5 % (Phụ lục 12.11).

Tro toàn phần

Không quá 4,0 % (Phụ lục 9.8).

Chất chiết được trong dược liệu

Không dưới 13,0 % tính theo dược liệu khô kiệt.

Tiến hành theo phương pháp chiết nóng (Phụ lục 12.10).

Dùng *ethanol 50 % (TT)* làm dung môi.

Chế biến

Diên hồ sách: Lấy Diên hồ sách còn nguyên củ, loại bỏ tạp chất, rửa sạch, để khô, đập vụn. Hoặc sau khi thu hái về, rửa sạch, giã nát, phơi khô. Dùng sống.

DƯỢC ĐIỂN VIỆT NAM VI

Diên hồ sách chế giấm: Cho giấm nồng độ 20 % vào Diên hồ sách đã đập vụn, trộn đều, ủ 2 h cho thấm đều, cho vào chảo sao nhỏ lửa đến khô. Dùng 2 L giấm cho 10 kg dược liệu.

Diên hồ sách chế rượu: Dùng rượu gạo 30°, tẩm sao theo chỉ dẫn tại Phụ lục 12.20.

Bảo quản

Dược liệu chưa chế biến: Để nơi khô ráo, tránh mốc mọt.

Dược liệu đã chế biến: Để trong đồ đựng kín, tránh mốc mọt, nên dùng trong 90 ngày sau khi chế biến.

Tính vị, quy kinh

Vị cay, tính ôn. Vào các kinh can, phế, tỳ.

Công năng, chủ trị

Lợi khí, chỉ thống, thông huyết. Chủ trị: Phụ nữ bế kinh, kinh nguyệt không đều, hành kinh đau bụng, căng hai vú, đau lưng, đau tay chân, mình mảy. Trị can khí uất kết.

Cách dùng, liều lượng

Ngày dùng từ 6 g đến 12 g dạng thuốc sắc hoặc tán bột làm viên hoàn.

Diên hồ sách chế giấm để làm tăng tác dụng giảm đau.

Diên hồ sách chế rượu để tăng tác dụng hành huyết.

Kiêng kỵ

Kinh nguyệt trước kỳ, người (cơ thể) gầy yếu, băng huyết rong huyết, sản hậu huyết hư chóng mặt ù tai, phụ nữ có thai không được dùng.

DIẾP CÁ

Houttuyniae cordatae Herba

Ngư tinh thảo, Lá giấp

Bộ phận trên mặt đất, được dùng tươi hoặc được làm khô của cây Diệp cá (*Houttuynia cordata* Thunb.), họ Lá giấp (*Saururaceae*). Thu hái lá quanh năm, nhưng tốt nhất là vào mùa hạ hay mùa thu, khi cây bắt đầu ra hoa quả. Lúc trời khô ráo, cắt lấy phần trên mặt đất, loại bỏ gốc rễ, tạp chất, phơi hoặc sấy nhẹ đến khô.

Mô tả

Dược liệu tươi: Thân thảo, hình trụ tròn hay hơi có khía, dài 20 - 40 cm, đường kính 2 - 3 mm. Màu lục hoặc hơi tím đỏ, có mấu rõ ở nơi mọc của lá, các mấu ở gốc thân còn rõ nhỏ. Chất giòn, dễ gãy. Lá đơn, mọc so le, phiến lá nguyên hình tim, đầu lá nhọn, màu xanh lục đậm ở mặt trên, nhạt ở mặt dưới, cuống dính ở gốc lá dài khoảng 2 - 3 cm, gốc cuống rộng thành bẹ mỏng. Gân lá hình chân vịt với 5 - 7 gân chính nổi rõ ở mặt dưới. Lá kèm dạng tam giác, dài khoảng 1,3 cm, dính vào cuống lá, có những sọc dọc màu đỏ tía. Cụm hoa là một bông dài 1 - 3 cm, mọc ở ngọn thân, có bốn lá bắc màu trắng dạng cánh hoa, cuống dài 3 cm. Toàn cây có mùi tanh nhẹ của cá. Vị hơi chua, hơi cay, chát và se.

Dược liệu khô: Thân hình trụ dẹt, cong, dài 20 - 40 cm, đường kính 2 - 3 mm. Mặt ngoài màu vàng nâu nhạt, có